KẾ HOẠCH TUẦN 2

Chủ đề: Chong chóng giấy

(Tù Ngày (06/07 - 10/07/2026)

Giáo viên: Cô Ánh

	THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
BUỔI SÁNG	6:45 - 7:15	**Đón trẻ/ Trực nhật**				
	7:15 - 7:30	**Thể dục sáng**				
	8:00 - 8:15	**Sinh hoạt vòng tròn đầu ngày/ Điểm Danh** Gọi tên cảm xúc				
	8:15 - 8:45	**MTTN** Khám phá về gió	**Dinh Dưỡng** Thực hành chế biến salad phong phú	**CT TPVH** Câu chuyện Chiếc đinh ở hàng rào	**HĐ với nước** Phao cây tự cứu P2	**Tiếng Việt** Làm quen chữ p
	8:45 - 9:00	**Uống sữa hoặc bổ sung trái cây**				
	9:00- 9:30	**Language & Expression** **The Pinwheel** Review: colors New words: pinwheel, blow, spin, parts of a pinwheel (blades, pin, handle)	**Song** **The Pinwheel In The Wind** Review: colors New words: pinwheel, blow, spin, parts of a pinwheel (blades, pin, handle)	**Life skill** **Left and Right** Wind, Blow, Left, Right, Stop.	**Steam** **Wake up, Mr. Wind** windy, wind, pinwheel, blow, spin	**Review** **Review all the learned content**
	9:30 - 10:00	**Playtime Activity 1** **The Pinwheel** Review: colors New words: pinwheel, blow, spin, parts of a pinwheel	**Playtime Activity 2** **The Pinwheel In The Wind** Review: colors New words: pinwheel, blow, spin, parts of a pinwheel (blades, pin	**Playtime Activity 3** **Wind direction** Wind, Blow, Left, Right, Stop.	**Playtime Activity 4** **Outdoor wind hunt** Review: colors New words: windy, wind, pinwheel, blow, spin	**Playtime Activity 5** **Review all the learned content**
	10:00 -10:30	**Số học** Ôn tập tách gộp trong phạm vi 9	**Toán - Logic** Xếp hình theo mẫu hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật	**Nặn** Nặn chậu cây	**Hình học** Ôn tập khối Kim tự tháp	**GDCX** Sự đồng cảm (Tiết 1)
	10:45 -11:45	**Vệ sinh chuẩn bị giờ ăn - Ăn trưa - Vệ sinh chuẩn bị giờ ngủ**				
	11:45 -13:45	**Ngủ trưa**				
	13:45 -14:30	**Ăn Xế - Vận động theo nhạc - Vệ sinh cá nhân - Thay quần áo**				
BUỔI CHIỀU	14:30 - 15:00	**Language & Expression** **The Pinwheel** Review: colors New words: pinwheel, blow, spin, parts of a pinwheel (blades, pin, handle)	**Story** **The Wind Blew** Review: colors New words: pinwheel, blow, spin, parts of a pinwheel (blades, pin, handle)	**Life skill** **Wind direction** Wind, Blow, Left, Right, Stop.	**Steam** **Can wind move it?** light, heavy	**Review** **Show and tell**
	15:00 - 15:30	**Rèn luyện thể chất** Thắt dây nút chịu đơn	**Vận động tinh** Cắt theo đường cong	**HĐ với nước** Phao cây tự cứu	**KPKH** Nam châm hút gì	**Âm nhạc** Giới thiệu nhạc cụ Xylophone- ứng dụng xướng âm và thực hành 4 nốt "DÔ- RÊ- MI- FA" (Bài
	15:30- 16:00	**Điêu khắc** Khắc họa tiết chậu cây	**Hội họa** Vẽ chong chóng	**Kỹ năng sống** Biết cách giữ vệ sinh cá nhân	**Võ Nhạc** Phối hợp đòn đở trung đẳng với đăng sơn	**Sinh Hoạt cuối tuần**
	16:00- 16:30	**Trực nhật/ sắp xếp lớp học/ Sinh hoạt vòng tròn**				
	16:30 - 17:00	**Thủ tục chia tay cuối ngày / Trả trẻ / Học ngoài giờ**				